



Action is true value

BẢN TIN PHÁP LÝ

Tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THÙY DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 12 LK7, KĐT Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội

SĐT: 0868 421 386 – 0979 720 286

Website: <http://luatthuyduong.com>

Email: Tuvanluatthuyduong@gmail.com

TIÊU ĐIỂM THÁNG 03/2021

i- Các văn bản, chính sách có hiệu lực trong tháng 03 năm 2021

1. Những điểm đáng chú ý về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới
2. Tạm dừng giấy phép kinh doanh với doanh nghiệp nhập khẩu ô tô có bản đồ vi phạm chủ quyền
3. Miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ
4. Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay
5. Bảo vệ môi trường trong hoạt động đường thủy nội địa
6. Quy định mới về giao khu vực biển
7. Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

8. Giáo viên xúc phạm danh dự học sinh có thể bị phạt đến 5 triệu đồng
9. Phạt nặng khi cho người khác “mượn” văn bằng, chứng chỉ
10. Vi phạm quy định về tuyển sinh có thể bị phạt tới 100 triệu đồng
11. Bằng đại học không còn ghi hệ đào tạo chính quy hay tại chức
12. Điều chỉnh hệ số lương giáo viên từ mầm non đến THCS công lập
13. Mỗi giảng viên cần có diện tích làm việc 10m²
14. Kéo dài thí điểm cho vay vốn với người sau cai nghiện
15. Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025
16. Các trường hợp được xác định KCB đúng tuyến BHYT từ 01/3/2021

ii- Chuyên đề

Pháp luật về chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp: bất cập và kiến nghị hoàn thiện

Những điểm đáng chú ý về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe cơ giới

Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ban hành ngày 15/01/2021 về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (TNDS) của chủ xe cơ giới có hiệu lực từ 01/03/2021.

Nghị định nêu rõ, trường hợp cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành và phản ánh đầy đủ các nội dung quy định.



Ảnh: Internet

Về mức phí bảo hiểm, căn cứ vào lịch sử tai nạn của từng xe cơ giới và năng lực chấp nhận rủi ro của mình, doanh nghiệp bảo hiểm chủ động xem xét, điều chỉnh tăng phí bảo hiểm. Mức tăng phí bảo hiểm tối đa là 15% tính trên phí bảo hiểm do Bộ Tài chính quy định.

Về thời hạn bảo hiểm, Nghị định quy định đối với xe mô tô hai bánh, ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, thời hạn bảo hiểm tối thiểu là 01 năm và tối đa là 03 năm.

Tạm dừng giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp nhập khẩu ô tô có bản đồ vi phạm chủ quyền



Ảnh: Internet

Có hiệu lực thi hành từ ngày 22/03/2020, Nghị định [17/2020/NĐ-CP](#) ban hành ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định [116/2017/NĐ-CP](#) ngày 17/10/2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

Trong đó, Nghị định bổ sung quy định tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã cấp cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu và tạm nhập ô tô có phần mềm thiết bị định vị chứa bản đồ vi phạm chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Theo Thông tư [03/2021/TT-BTC](#) của Bộ Tài chính hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số [13/2019/NĐ-CP](#) của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ có hiệu lực từ 1/3/2021, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ, cụ thể: được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.



Ảnh: Internet

Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Nghị định [05/2021/NĐ-CP](#) ban hành ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay có hiệu lực từ ngày 10/03/2021. Nghị định này quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam bao gồm: Nguyên tắc và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay; quy hoạch và thực hiện quy hoạch cảng hàng không sân bay; mở, đóng cảng hàng không, sân bay; cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;...



Ảnh: Internet

Bảo vệ môi trường trong hoạt động đường thủy nội địa

Nghị định số [08/2021/NĐ-CP](#) ban hành ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa có hiệu lực từ 15/03/2021, trong đó quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động đường thủy nội địa.

Trong đó, về bảo vệ môi trường trong đầu tư xây dựng, bảo trì, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chủ dự án các công trình xây dựng, bảo trì, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, xác định và bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường trong tổng mức đầu tư của dự án; đưa biện pháp xử lý chất thải, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận vào thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và hồ sơ mời thầu, hợp đồng với các nhà thầu thi công xây dựng của dự án.

Tổ chức quản lý, giám sát và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động thi công xây dựng dự án theo quy định của pháp luật xây dựng và bảo vệ môi trường.

Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hợp đồng đã ký với chủ dự án.

Nhà thầu tư vấn quan trắc, giám sát môi trường phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và chịu trách nhiệm trước chủ dự án, trước pháp luật về các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong thực hiện công tác quan trắc, giám sát môi trường.

Quy định mới về giao khu vực biển

Có hiệu lực từ 30/03/2021, Nghị định số [11/2021/NĐ-CP](#) ban hành ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Nghị định trên quy định việc giao các khu vực biển nhất định từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm ra đến hết các vùng biển Việt Nam cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Ảnh: Internet

Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Nghị định [19/2020/NĐ-CP](#) ban hành ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày 31/03/2020.

Nghị định này quy định về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Mục đích kiểm tra nhằm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời chấn chỉnh, xử lý, khắc phục.

Bên cạnh đó, phòng, chống, ngăn chặn các vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



Ảnh: Internet

Giáo viên xúc phạm danh dự học sinh có thể bị phạt đến 5 triệu đồng



Ảnh: Internet

Ngoài ra, phải xin lỗi công khai người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể, trừ trường hợp người bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm; xâm phạm thân thể hoặc người đại diện hợp pháp của người học là người chưa thành niên có yêu cầu không xin lỗi công khai.

Nghị định [04/2021/NĐ-CP](#) thay thế Nghị định [138/2013/NĐ-CP](#) ngày 22/10/2013.

Nghị định [04/2021/NĐ-CP](#) về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giáo dục có hiệu lực từ ngày 10/3/2021.

Theo đó, vi phạm quy định về kỷ luật người học; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học được quy định như sau:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau (mức phạt đối với cá nhân từ 2.500.000 đến 5.000.000 đồng):

- Kỷ luật người học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Phạt nặng khi cho người khác “mượn” văn bằng, chứng chỉ



Ảnh: Nguồn Internet

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 04/2021/NĐ-CP, phạt từ 05 - 10 triệu đồng với một trong các hành vi sau:

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác.
- Cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình.
- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

Trong khi đó, quy định cũ tại Nghị định 138/2013/NĐ-CP, phạt tối đa 08 triệu đồng với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác và sử dụng văn bằng, chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa.

Như vậy, kể từ 10/3/2021 - ngày Nghị định 04/2021 có hiệu lực đã bổ sung quy định xử phạt khi cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình. Theo đó, mức phạt tối đa với các hành vi trên là 10 triệu đồng.

Vi phạm quy định về tuyển sinh có thể bị phạt tới 100 triệu đồng

Có hiệu lực từ 10/03/2021, Nghị định [04/2021/NĐ-CP](#) ban hành ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Theo Nghị định, phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ đại học sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh theo các mức phạt sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;
- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học đến dưới 30 người học;
- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.
- Nghị định cũng quy định, phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ sai đối tượng quy định tại quy chế tuyển sinh theo các mức phạt sau:
- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 05 người học;
- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 05 người học đến dưới 10 người học;
- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học trở lên.

Ngoài ra còn áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động tuyển sinh và biện pháp khắc phục hậu quả như buộc trả lại cho người học số tiền đã thu...

Bằng đại học không còn ghi hệ đào tạo chính quy hay tại chức

Theo Thông tư 27/2019/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực từ ngày 1/3/2020, trên văn bằng có các nội dung: Tiêu đề, tên văn bằng theo từng trình độ đào tạo, ngành đào tạo, tên cơ sở giáo dục đại học cấp văn bằng, họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp văn bằng, hạng tốt nghiệp (nếu có), số hiệu, số vào sổ gốc cấp văn bằng...

Như vậy, thông tin về hình thức đào tạo (chính quy, tại chức hay vừa làm vừa học...) không được ghi trong nội dung chính của văn bằng. Nội dung này sẽ được ghi trên phụ lục và kèm theo đó là các nội dung khác về chuyên ngành đào tạo, ngày nhập học, ngôn ngữ đào tạo, thời gian đào tạo, trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.



Ảnh: Nguồn Internet

Điều chỉnh hệ số lương giáo viên từ mầm non đến THCS công lập

Theo các Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT và Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kể từ 20/3/2021, cách xếp lương cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập theo chức danh nghề nghiệp mới tương ứng như sau:

- Giáo viên mầm non áp dụng hệ số lương từ 2,1 - 6,38 (hiện nay đang áp dụng từ 1,86 - 4,98).
- Giáo viên tiểu học áp dụng hệ số lương từ 2,34 - 6,78 (hiện nay đang áp dụng từ 1,86 - 4,98).
- Giáo viên trung học cơ sở áp dụng hệ số lương từ 2,34 - 6,78 (hiện nay đang áp dụng từ 2,1 - 6,38).

BẢNG LƯƠNG GIÁO VIÊN THCS										
Đơn vị: 1000 đồng										
STT	Nhóm ngạch	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9
1	Giáo viên THCS hạng I									
	Hệ số	4.40	4.74	5.08	5.42	5.76	6.10	6.44	6.78	
	Lương	6.556	7.063	7.569	8.076	8.582	9.089	9.596	10.102	
2	Giáo viên THCS hạng II									
	Hệ số	4.00	4.34	4.68	5.02	5.36	5.70	6.04	6.38	
	Lương	5.960	6.467	6.973	7.480	7.986	8.493	9.000	9.506	
3	Giáo viên THCS hạng III									
	Hệ số	2.34	2.67	3.00	3.33	3.66	3.99	4.32	4.65	4.98
	Lương	3.487	3.978	4.470	4.962	5.453	5.945	6.437	6.929	7.420

Mỗi giảng viên cần có diện tích làm việc 10m²

Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo có hiệu lực từ ngày 27/3/2020. Thông tư quy định rõ về diện tích làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên. Theo đó, mỗi giáo sư cần có diện tích làm việc 18m²; mỗi phó giáo sư cần có diện tích làm việc 15m²; mỗi giảng viên chính, giảng viên cần có diện tích làm việc 10m². 20 phòng học có 01 phòng chờ cho giảng viên. Diện tích chuyên dùng của phòng chờ là 3m²/giảng viên, với diện tích phòng không nhỏ hơn 24m²/phòng.



Ảnh: Internet

Kéo dài thí điểm cho vay vốn với người sau cai nghiện

Có hiệu lực từ ngày 1/3/2020, Quyết định 02/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định tiếp tục thí điểm chương trình tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg tại 15 tỉnh, thành phố đến hết 31/12/2020.

Đối tượng vay vốn gồm: 1- Cá nhân vay vốn: Người nhiễm HIV, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương; 2- Hộ gia đình vay vốn là hộ gia đình có thành viên thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người nhiễm HIV/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.



Ảnh: Nguồn Internet

Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025

Nghị định [07/2021/NĐ-CP](#) ban hành ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 có hiệu lực từ 15/03/2021.

Theo đó, với chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2021, từ ngày 1/1/2021 tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số [59/2015/QĐ-TTg](#) ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định cũng quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

Trong đó, về chuẩn hộ nghèo, khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1,5 triệu đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên; khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2 triệu đồng trở xuống và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Chuẩn hộ cận nghèo: Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1,5 triệu đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2 triệu đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Các trường hợp được xác định KCB đúng tuyến BHYT từ 01/3/2021

Thông tư [30/2020/TT-BYT](#) hướng dẫn Nghị định [146/2018/NĐ-CP](#) hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế có hiệu lực từ ngày 01/3/2021.

Theo đó, có 08 trường hợp khám chữa bệnh (KCB) BHYT đúng tuyến bao gồm:

(1) Đến KCB đúng cơ sở KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.

(2) Thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện đi KCB tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện khác trong cùng địa bàn tỉnh.

Trường hợp trẻ em chưa có thẻ BHYT do chưa làm thủ tục khai sinh được sử dụng giấy chứng sinh đi KCB.

(3) Đi cấp cứu.

(4) Được chuyển tuyến KCB BHYT theo quy định, bao gồm:

- Được chuyển tuyến theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư [40/2015/TT-BYT](#) ngày 16/11/2015.

- Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định [146/2018/NĐ-CP](#) ngày 17/10/2018.

- Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư [04/2016/TT-BYT](#) ngày 26/2/2016.

(5) Có giấy tờ chứng minh đang ở tại địa phương khác trong thời gian đi công tác, làm việc lưu động, học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, tạm trú và KCB ban đầu tại cơ sở KCB cùng tuyến hoặc tương đương với cơ sở đăng ký KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.

(6) Người có giấy hẹn khám lại trong trường hợp đã được chuyển tuyến.

(7) Người đã hiến bộ phận cơ thể của mình phải điều trị ngay sau khi hiến bộ phận cơ thể.

(8) Trẻ sơ sinh phải điều trị ngay sau khi sinh ra.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (1)

1. Thực trạng pháp luật về chào bán riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp

Ngày 17/09/1994, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 120-CP kèm theo Quy chế tạm thời về việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Đây là văn bản cơ bản đầu tiên đề cập đến trái phiếu doanh nghiệp với những quy định ban đầu về điều kiện phát hành trái phiếu, loại trái phiếu và lãi suất chi trả của trái phiếu do DNNN phát hành. Sau đó, điểm b khoản 1 Điều 8 Luật DNNN năm 1995 và khoản 1 Điều 17 Luật DNNN năm 2003 đều tái khẳng định quyền được phát hành trái phiếu của DNNN. Luật Công ty năm 1990, Luật Doanh nghiệp năm 1999 lần lượt xác định công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần (CTCP) có quyền phát hành trái phiếu để huy động vốn. Tiếp đó, Nghị định số 52/2006/NĐ-CP của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra đời thay thế các quy định trước đây về trái phiếu của doanh nghiệp. Văn bản này tiếp tục được thay thế bởi Nghị định số 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Hiện nay, Nghị định số 163/2018/NĐ-CP (Nghị định số 163) quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP (Nghị định số 81) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đang là những nghị định quy định trực tiếp về nội dung này.

Trải qua quá trình phát triển, những quy định về chào bán trái phiếu nói chung và chào bán trái phiếu riêng lẻ nói riêng của doanh nghiệp đã và đang có nhiều sự thay đổi theo hướng hoàn thiện nhằm giúp cho hoạt động chào bán trái phiếu trở thành một nội dung quan trọng trong hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp. Theo đó, kể từ khi Nghị định số 163 có hiệu lực thi hành đến hết năm 2019, đã có 848 đợt chào bán trái phiếu doanh nghiệp với khối lượng phát hành thực tế là 259.377 tỷ đồng [1]. Đây là một con số rất đáng khích lệ, cho thấy sự phát triển của thị trường trái phiếu là nhiều tiềm năng và mở ra cánh cổng huy động vốn khá hiệu quả cho nhu cầu tài chính của doanh nghiệp. Kết quả này cho thấy quy định của pháp luật về hoạt động này đã tạo cơ sở pháp lý khá tốt cho việc duy trì, phát triển thị trường trái phiếu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một số quy định của Nghị định số 163 và Nghị định số 81 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 vẫn còn những bất cập sau

Thứ nhất, thuật ngữ “phát hành trái phiếu” không còn phù hợp. Bởi lẽ, trước năm 2006, các văn bản thường dùng từ “phát hành” để chỉ đến hoạt động huy động vốn thông qua công cụ chứng khoán như: phát hành chứng khoán, phát hành cổ phiếu, phát hành trái phiếu... uy nhiên, kể từ khi Luật Chứng khoán năm 2006 có hiệu lực, thuật ngữ phát hành đã được thay thế bằng “chào bán”. Do vậy, việc Nghị định số 163 và Nghị định số 80

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (2)

dùng thuật ngữ “phát hành” là chưa tương thích với các văn bản khác trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK).

Thứ hai, định nghĩa về “trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ” chưa hoàn thiện. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 163 xác định: “Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc Internet”. Nếu xét vào thời điểm ra đời Nghị định số 163 thì định nghĩa trên là phù hợp với định nghĩa về “chào bán chứng khoán riêng lẻ” được xác định theo khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010[2]. Tuy nhiên, định nghĩa này lại chưa phù hợp với khái niệm “chào bán chứng khoán riêng lẻ” được xác định trong Luật Chứng khoán năm 2019[3]. Vì vậy, với cách tiếp cận trong Luật Chứng khoán hiện hành khác biệt so với Nghị định số 163 thì việc để tồn tại điều khoản này sẽ là một hạn chế trong quy định cũng như thực hiện hoạt động chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.

Thứ ba, quy định về trái phiếu có bảo đảm chưa chính xác. Trong nội dung này có những điểm bất cập sau:

i) Định nghĩa về “trái phiếu có bảo đảm” chưa rõ ràng. Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 163 định nghĩa: “trái phiếu có bảo đảm là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán”. Theo quy định này, chủ thể có quyền bảo lãnh phát thanh toán cho trái phiếu là “tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán”. Trong đó, theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, ngân hàng thương mại[4], công ty tài chính[5] được phép bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu. Đối chiếu các quy định về doanh nghiệp bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019 cũng không quy định chủ thể này được bảo lãnh thanh toán trái phiếu. Vậy “tổ chức tài chính ... có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán” là tổ chức nào?

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (3)

ii) Nghị định chưa đề cập đến quy trình như thế nào để đảm bảo cho khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với những người mua trái phiếu khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba. Mặc dù theo định nghĩa, Nghị định đã xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của trái phiếu có bảo đảm khi đến hạn có thể được đảm bảo bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; Theo đó, quy trình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của trái phiếu có bảo đảm khi đến hạn bằng phương thức bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng (TCTD) có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật ngân hàng là đã rõ ràng và minh bạch. Tuy nhiên, quy trình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của trái phiếu có bảo đảm khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba sẽ được thực hiện như thế nào là điểm mà Nghị định chưa nêu rõ. Điều này vừa tạo sự lúng túng cho doanh nghiệp khi áp dụng và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người mua trái phiếu của doanh nghiệp. Có thể có quan điểm cho rằng, nếu doanh nghiệp lúng túng thì

doanh nghiệp sử dụng dịch vụ bảo lãnh ngân hàng từ các TCTD có chức năng này và sử dụng tài sản của mình hoặc tài sản của bên thứ ba làm tài sản đảm bảo cho TCTD đó. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp lựa chọn theo giải pháp này thì doanh nghiệp lại phải tốn thêm một khoản phí bảo lãnh trong khi pháp luật hoàn toàn cho phép họ có thể trực tiếp dùng tài sản này để đảm bảo nghĩa vụ tài chính phát sinh từ trái phiếu do họ phát hành? Do vậy, điểm hạn chế này đã và đang làm ảnh hưởng đến khả năng lựa chọn cách thức huy động vốn của doanh nghiệp.

Thứ tư, quan niệm về chứng quyền trong Nghị định số 163 chưa chính xác và chưa đúng với tinh thần của Luật Chứng khoán. Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 163 quy định: “Trái phiếu kèm theo chứng quyền là loại trái phiếu được phát hành cùng với việc phát hành chứng quyền, cho phép nhà đầu tư sở hữu trái phiếu được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo điều kiện, điều khoản đã được xác định trước” và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 163 quy định: “Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ... ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK)”.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (4)

Như vậy, Nghị định đã vô tình quy định rằng *chứng quyền không tách ra khỏi trái phiếu và quyền được mua cổ phiếu phổ thông là quyền mà nhà đầu tư sẽ có là xuất phát từ việc nhà đầu tư sở hữu trái phiếu được phát hành kèm theo chứng quyền*. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn khác với tinh thần của Luật Chứng khoán. Theo tinh thần của Luật Chứng khoán năm 2019, chứng quyền là loại chứng khoán phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi và chứng quyền được coi là chứng khoán độc lập so với loại chứng khoán là trái phiếu. Chính chứng quyền sẽ đem lại cho người sở hữu chứng quyền quyền được mua cổ phần phổ thông theo những điều kiện xác định. Ngay trong chính điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 163[6] cũng đã gián tiếp thừa nhận chứng quyền có thể tách khỏi trái phiếu. Cho nên, quy định tại khoản 6 Điều 4 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 163 thiếu chính xác, không hợp lý.

Thứ năm, quy định về hạn chế giao dịch trái phiếu trên TTCK thứ cấp chưa chính xác, chưa hợp lý và tạo nên bất công bằng cho nhà đầu tư. Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 81 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã sửa đổi khoản 8 Điều 6 Nghị định số 163 như

sau: “Trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trong vòng một năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật”. Quy định trên nhằm mục đích hạn chế các trường hợp “lách” quy định chào bán chứng khoán ra công chúng[7]. Tuy nhiên, quy định trên chưa rõ ràng và chứa đựng nhiều bất cập. Giả sử, trên thị trường chứng khoán sơ cấp, doanh nghiệp chào bán trái phiếu cho 80 nhà đầu tư (không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp). Sau đó, 80 nhà đầu tư này chỉ được chuyển nhượng trong phạm vi tối đa 99 nhà đầu tư (tức là chỉ được chuyển nhượng cho thêm 19 nhà đầu tư khác). Vậy có nghĩa là ai nhanh tay chuyển nhượng trước sẽ được còn những người chậm hơn thì không được phép chuyển nhượng cho người khác. Điều này cho thấy sự bất bình đẳng và không minh bạch cho nhà đầu tư mua trái phiếu trên; làm kém sức hấp dẫn của trái phiếu đối với nhà đầu tư và gây khó khăn cho doanh nghiệp khi chào bán trái phiếu theo quy định này.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (5)

Thứ sáu, các quy định về chuyển nhượng trái phiếu trong các trường hợp chưa được pháp luật dự liệu đầy đủ. Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 81 đã sửa đổi khoản 8 Điều 6 Nghị định số 163, điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 163 đặt ra các trường hợp mà việc chuyển nhượng trái phiếu không bị hạn chế như: “trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật”. Theo đó, các điều khoản này mới chỉ nhắc đến việc chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án mà chưa đề cập đến các trường hợp phải chuyển nhượng chứng khoán theo quyết định của Trọng tài. Rõ ràng điều này là một sự bất cập. Bởi lẽ, pháp luật đã thừa nhận phán quyết của Trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực kể từ ngày ban hành[8]. Theo đó, giải quyết bằng phương thức trọng tài cũng là một phương thức mà pháp luật khuyến khích nhằm tạo điều kiện giải quyết nhanh chóng các tranh chấp trong hoạt động thương mại. Do vậy, việc không thừa nhận phán quyết của Trọng tài liên quan đến hoạt động chuyển nhượng trái phiếu của các Nghị định này đã vô hình chung làm hạn chế phương thức lựa chọn cách thức giải quyết tranh chấp giữa các bên về trái phiếu, làm ảnh hưởng đến hoạt động của các trung tâm trọng tài và đi ngược lại với các chủ trương của Nhà nước.

Thứ bảy, pháp luật quy định chưa hợp lý về hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp. Hiện nay, hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 163 đã được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 81. Ở nội dung này, có hai vấn đề còn chưa chính xác và bất cập sau:

i) Quy định về hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu chưa hợp lý. Theo đó, một trong những tài liệu của bộ hồ sơ đề nộp cho cơ quan có thẩm quyền là: “Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có)”[9]. Thông thường trong hoạt động liên quan đến chào bán trái phiếu riêng lẻ thì doanh nghiệp có thể sử dụng các dịch vụ: tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định của pháp luật[10]; dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính[11] và các dịch vụ khác như: bảo lãnh phát hành chứng khoán, bảo lãnh thanh toán, dịch vụ đại lý phát hành chứng khoán... Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là có cần phải có hợp đồng kiểm toán giữa doanh nghiệp và tổ chức tiến hành kiểm toán hay không? Bởi lẽ, trong hồ sơ đã có báo cáo tài chính đã được tổ chức kiểm toán xác nhận và Luật Kiểm toán độc lập cũng đã xác định rõ trách nhiệm của tổ chức kiểm toán. Do vậy, việc yêu cầu phải có hợp đồng dịch vụ kiểm toán trong hồ sơ này có thật sự cần thiết?

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (6)

ii) Chưa yêu cầu về những giấy tờ liên quan đến việc chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ chi trả của doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong trường hợp đó là trái phiếu có bảo đảm. Rõ ràng, Nghị định có ghi nhận nghĩa vụ chi trả các khoản tài chính liên quan đến trái phiếu của doanh nghiệp có thể được đảm bảo bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của TCTD có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán. Trong đó, nếu doanh nghiệp sử dụng dịch vụ bảo lãnh thanh toán của TCTD thì đã có hợp đồng và đưa vào hồ sơ theo quy định. Nhưng nếu doanh nghiệp bảo đảm nghĩa vụ tài chính này bằng chính tài sản của doanh nghiệp hoặc bên thứ ba với thủ tục thực hiện như thế nào thì pháp luật còn bỏ ngỏ. Vậy cơ sở nào để nhà đầu tư có thể tin tưởng mà đầu tư vào chứng khoán nợ này khi hồ sơ không yêu cầu phải có những giấy tờ chứng minh về tài sản được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp phát hành trái phiếu?

Thứ tám, quy định trao quyền cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến bằng văn bản về việc công ty đại chúng phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền là bất cập. Về nguyên tắc, pháp luật đã quy định về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 163. Do vậy, theo nguyên tắc, khi công ty đại chúng thỏa mãn các điều kiện

đó và được các cơ quan trong cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng thông qua theo quy định thì công ty đại chúng đã đủ các điều kiện để chào bán trái phiếu ra công chúng. Việc công ty đại chúng đăng ký với UBCKNN nhằm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Vì vậy, với vai trò và trách nhiệm của mình, UBCKNN sẽ xem xét và xác nhận công ty đại chúng đủ điều kiện. Trong khi đó, theo điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 163 quy định UBCKNN phải có ý kiến bằng văn bản là chưa hợp lý. Vì nếu có ý kiến bằng văn bản vậy ý kiến ở đây là gì? Đồng ý hay không đồng ý hay như thế nào? Vì nếu đúng câu chữ trong quy định thì UBCKNN chỉ cần có ý kiến bằng văn bản dù là chấp nhận hay không chấp nhận thì công ty đại chúng vẫn được quyền chào bán trái phiếu riêng lẻ (vì không có điều khoản nào nói là văn bản của UBCKNN phải ghi là chấp nhận). Có thể có quan điểm cho rằng, UBCKNN chỉ cho ý kiến bằng văn bản khi chấp nhận còn khi không chấp nhận thì không cho ý kiến bằng văn bản để loại trừ trường hợp vừa nêu trên. Tuy nhiên, nếu pháp luật cho phép UBCKNN hành xử như trên thì tính minh bạch, rõ ràng của pháp luật sẽ không đảm bảo. Theo đó, nếu UBCKNN không cho ý kiến bằng văn bản vì không chấp nhận trong khi công ty đại chúng vẫn có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì dựa trên cơ sở nào công ty đại chúng khởi kiện hành vi ngăn trở hoạt động huy động vốn của mình?

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIÊN (7)

Ngoài ra, điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 163 cũng không xác định rõ thời gian bao lâu kể từ khi công ty đại chúng gửi hồ sơ hoàn chỉnh thì UBCKNN phải thể hiện quan điểm thông qua việc cho ý kiến bằng văn bản về vấn đề này. Vì rõ ràng, khi pháp luật không xác định thời gian mà UBCKNN phải cho ý kiến thì sẽ tạo nên những “khuất tất” trong việc xin ý kiến này, càng gây nhiều trở ngại cho hoạt động chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng.

Thứ chín, quy định về việc cho phép doanh nghiệp mua lại trái phiếu trước hạn còn bất cập. Theo Điều 7, 14 và 26 Nghị định số 163, việc mua lại trái phiếu trước hạn chỉ cần có trong thông tin chào bán trái phiếu, sau đó được người có thẩm quyền chấp nhận và thực hiện hoạt động công bố thông tin là có thể được thực hiện. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là pháp luật không có quy định ràng buộc thời gian mua lại trước hạn là bao lâu? Điều này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp muốn huy động vốn ngắn hạn nhưng do khó khăn trong hoạt động vay vốn từ các TCTD, từ các chủ thể khác nên doanh nghiệp sẽ sử dụng cách “lách” quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động này thông qua việc chào bán trái phiếu và thực hiện hoạt động mua trước hạn. Nếu điều này xảy ra, vô hình chung đã làm cho hoạt động chào

bán trái phiếu là hoạt động huy động vốn ngắn hạn trong khi bản chất của hoạt động này là huy động vốn trung và dài hạn.

Cuối cùng, quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm trong hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ còn nhiều bất cập và chưa bao quát toàn bộ các hành vi vi phạm trong lĩnh vực này. Điều này thể hiện thông qua các nội dung sau:

i) Quy định hiện hành chưa đặt ra chế tài đối với hành vi vi phạm của tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu. Theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 163 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 81 thì doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ phải “ký hợp đồng tư vấn với tổ chức tư vấn về hồ sơ phát hành trái phiếu”. Tuy nhiên, nếu tổ chức tư vấn về hồ sơ phát hành trái phiếu có hành vi vi phạm thì pháp luật chưa quy định chế tài đối với chủ thể này. Có thể có quan điểm cho rằng, việc pháp luật quy định chế tài là không cần thiết vì tổ chức này sẽ phải chịu các trách nhiệm tài chính theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và đồng thời chịu chế tài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK^[12]. Tuy nhiên, theo chúng tôi, quan điểm trên chưa hợp lý vì điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP là quy định xử lý đối với doanh nghiệp lập hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ chứ không áp dụng cho tổ chức tư vấn.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (8)

Bên cạnh đó, trách nhiệm tài chính của tổ chức tư vấn với doanh nghiệp phát hành trái phiếu là sự thỏa thuận giữa các bên. Nhưng xét về bản chất nếu tổ chức tư vấn hồ sơ vi phạm sẽ làm ảnh hưởng không chỉ đến hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp phát hành trái phiếu mà còn ảnh hưởng chung đến sự phát triển của TTCK sơ cấp nói chung nên cần có chế tài của pháp luật như cảnh cáo, phạt tiền và nếu tái phạm nghiêm trọng thì cần có biện pháp mạnh mẽ hơn.

ii) *Pháp luật quy định về trách nhiệm đăng ký, lưu ký trái phiếu của doanh nghiệp phát hành còn bắt cập.* Theo đó, khoản 1 Điều 16 Nghị định số 163 quy định: “Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt phát hành, trái phiếu doanh nghiệp phải được đăng ký, lưu ký tại tổ chức lưu ký được phép để quản lý số lượng nhà đầu tư theo quy định ...”. Điều này được hiểu việc đăng ký, lưu ký trái phiếu là trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Tuy nhiên, việc vi phạm nghĩa vụ này lại không có chế tài áp dụng. Tham khảo các quy định trong Nghị định số 108/2013/NĐ-CP; Nghị định số 145/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP, Thông tư số 217/2013/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK và Thông tư số 36/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 217/2013/TT- BTC, tác giả nhận thấy chưa có chế tài nào được quy định để áp dụng đối với hành vi vi phạm này.

Điều này dẫn đến hệ quả là nếu doanh nghiệp phát hành trái phiếu không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, lưu ký trái phiếu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích của nhà đầu tư nhưng không có chế tài nào áp dụng thì liệu pháp luật đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ nhà đầu tư chưa?

2. Hoàn thiện quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Với những bất cập, hạn chế đã được phân tích ở phần trên, tác giả kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp như sau:

Thứ nhất, cần phải rà soát và thay đổi từ “phát hành” thành “chào bán” cho các cụm từ thích hợp để đảm bảo sự tương thích, phù hợp giữa các văn bản pháp luật điều chỉnh về chứng khoán và TTCK.

Thứ hai, cần sửa lại khái niệm chào bán trái phiếu riêng lẻ. Hiện nay, Luật Chứng khoán năm 2019 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Vì vậy, khái niệm chào bán trái phiếu riêng lẻ cũng cần phải sửa đổi cho phù hợp với Luật Chứng khoán năm 2019. Theo đó, nên sửa lại khái niệm này như sau: “Chào bán trái phiếu riêng lẻ là việc chào bán chứng khoán không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 19 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019 và theo một trong các phương thức sau đây: a) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; b) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp”.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (9)

Thứ ba, cần sửa đổi định nghĩa về “trái phiếu có bảo đảm”. Theo đó, khái niệm này nên được sửa đổi như sau: “trái phiếu có bảo đảm là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán hoặc bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”. Việc sửa đổi này vừa loại bỏ được câu hỏi là “tổ chức tài chính ... có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán” là tổ chức nào? Đồng thời, khái niệm sửa đổi này cũng đã xác định rõ trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh cũng là một loại trái phiếu có bảo đảm; còn việc trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh như thế nào sẽ được điều chỉnh bởi văn bản riêng và dẫn chiếu sang quy định riêng.

Thứ tư, cần xác định rõ về việc đảm bảo khả năng trả nợ của trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm. Quy trình này cần như thế nào? Nếu doanh nghiệp dùng tài sản của nó để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp thì cơ chế kiểm soát, quản lý như thế nào đối với tài sản này? Vì vậy, pháp luật cần có những quy định cụ thể điều chỉnh đối với nội dung này mới tăng tính hấp dẫn của phương thức huy động vốn của doanh nghiệp so với các phương thức huy động vốn khác.

Thứ năm, cần thay đổi lại định nghĩa về chứng quyền trong Nghị định số 163 cho đúng, phù hợp với tinh thần của Luật Chứng khoán. Theo đó, chứng quyền thực sự là một loại chứng khoán phái sinh và có thể độc lập so với trái phiếu. Chính sự độc lập đó của chứng quyền mới làm cho chứng quyền được các nhà đầu tư mua, bán với nhau để tìm kiếm lợi ích.

Thứ sáu, cần sửa đổi những quy định về hạn chế giao dịch trái phiếu trên TTCK thứ cấp, cụ thể:

i) Cần bổ sung quy định cấm các nhà đầu tư chuyên nhượng trái phiếu này trong vòng một năm. Quy định này nhằm đảm bảo rõ đây là trái phiếu được chào bán riêng lẻ nên số lượng nhà đầu tư sở hữu nó luôn tối đa là 99 nhà đầu tư.

ii) Cần bổ sung thêm trường hợp chủ thể có thẩm quyền quyết định về việc chuyển nhượng trái phiếu phát hành riêng lẻ. Theo đó, khi quy định các trường hợp mà việc chuyển nhượng trái phiếu không bị hạn chế cần bổ sung thêm cụm từ “quyết định của Trọng tài” bên cạnh cụm từ “quyết định của Tòa án”. Việc làm này nhằm đảm bảo tính pháp lý cho các phán quyết của trọng tài và cũng nhằm tạo nên nhiều sự lựa chọn nơi giải quyết tranh chấp cho các chủ thể có những tranh chấp liên quan đến giao dịch trái phiếu được chào bán riêng lẻ và nhằm giảm tải cho hoạt động của hệ thống Tòa án.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (10)

Thứ bảy, cần điều chỉnh lại quy định về hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp cho hợp lý. Theo đó, cần bổ sung quy định về việc chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ chi trả của doanh nghiệp phát hành trái phiếu trong trường hợp đây là trái phiếu có bảo đảm. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để UBCKNN chấp thuận hoạt động chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp cũng như tạo sự tin tưởng hơn từ các nhà đầu tư để tạo điều kiện cho TTCK được phát triển với lượng hàng hóa phong phú.

Thứ tám, cần quy định rõ công ty đại chúng chỉ được phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm theo chứng quyền khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản cũng như cần xác định thời hạn là bao lâu kể từ khi nhận bộ hồ sơ hợp lệ thì UBCKNN phải trả lời bằng văn bản. Quy định này hạn chế được bắt cập tại điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 163, đồng thời đảm bảo sự công khai, minh bạch và tránh được những “khuất tất” trong hoạt động này, gây nhiều trở ngại cho hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng.

Thứ chín, cần bổ sung quy định về việc cho phép doanh nghiệp mua lại trái phiếu trước hạn là bao nhiêu? Quy định trên sẽ làm giảm thiểu tình trạng doanh nghiệp “lách luật” khi muốn huy động vốn ngắn hạn nhưng do khó khăn trong hoạt động vay vốn từ các TCTD, từ các chủ thể khác.

Cuối cùng, cần bổ sung các quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm trong hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ như: hành vi vi phạm của tổ chức tư vấn về hồ sơ phát hành trái phiếu, vi phạm trách nhiệm đăng ký, lưu ký trái phiếu của doanh nghiệp phát hành. Việc ban hành các quy định bổ sung về các nội dung nêu trên trong xử phạt nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này, các hành vi vi phạm pháp luật về TTCK đều chịu các chế tài tương ứng và phù hợp với hành vi vi phạm, qua đó giúp cho Nhà nước quản lý được tốt hơn hoạt động của TTCK.

Tóm lại, những bắt cập và hạn chế trên đã và đang tạo những khó khăn cho sự phát triển của thị trường trái phiếu nói riêng và TTCK nói chung. Vì vậy, cần nhanh chóng có những thay đổi nhất định nhằm hạn chế những bắt cập trên để tạo điều kiện bảo vệ tốt hơn nhà đầu tư cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng công cụ phát hành trái phiếu riêng lẻ để huy động vốn./.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (11)

CHÚ THÍCH:

[1] Bộ Tài chính (2020), Báo cáo về việc tổng kết, đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, http://vibonline.com.vn/du_thao/du-thao-nghi-dinh-ve-phat-hanh-va-giao-dich-trai-phieu-doanh-nghiep#login, truy cập ngày 05/10/2020.

[2] Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010 bổ sung điểm 12a như sau: “*Chào bán chứng khoán riêng lẻ* là việc tổ chức chào bán chứng khoán cho dưới một trăm nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc Internet”.

[3] Khoản 20 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định: “*Chào bán chứng khoán riêng lẻ* là việc chào bán chứng khoán không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 19 Điều này và theo một trong các phương thức sau đây:

a) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

b) Chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp”.

[4] Điểm c khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Điểm đ khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Điểm đ khoản 2 điều 10 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định: “... chứng quyền phát hành kèm theo trái phiếu không được chuyển nhượng trong tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật”.

[7] Vì thụ tục chào bán trái phiếu ra công chúng khá rắc rối, phức tạp, phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin... Vì vậy, nhiều doanh nghiệp sẽ “lách” chào bán trái phiếu ra công chúng thông qua việc ban đầu phát hành trái phiếu riêng lẻ và sau đó cho phép trái phiếu này giao dịch trên thị trường thứ cấp giữa nhiều nhà đầu tư.

[8] Khoản 5 Điều 61 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

[9] Xem điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 11 Nghị định số 81/2020/NĐ-CP.

PHÁP LUẬT VỀ CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP: BẮT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN (12)

CHÚ THÍCH:

[10] Đây là dịch vụ bắt buộc doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ phải sử dụng “trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành là tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật” (xem thêm khoản 1 Điều 10 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định 81/2020/NĐ-CP).

[11] Dịch vụ này phải được thực hiện bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP (xem thêm khoản 1 Điều 10 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 81/2020/NĐ-CP).

[12] Điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK quy định: “Điều 4. Vi phạm quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại Việt Nam của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, vi phạm quy định về phát hành trái phiếu riêng lẻ tại Việt Nam

...

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, hồ sơ phát hành trái phiếu riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đã nộp;...”

Tác giả bài viết:

TS. PHAN PHƯƠNG NAM

Phó Trưởng Khoa Luật Thương Mại, Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

A large, stylized logo in the background, featuring a blue 'T' and a red 'D' intertwined within a circular frame.

***Cảm ơn Quý khách hàng đã tin tưởng và sử dụng
dịch vụ của Công ty Luật Thùy Dương!***